

MARKET INSIGHTS REPORTS

19.03.2025

TÂM ĐIỂM GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG LÀ
CỔ PHIẾU FPT



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Thị trường dù chiều chính nhưng áp lực bán mang tính tập trung
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Sản lượng điện huy động thực tế 2T/2025
Xuất khẩu cá tra lữ kế 2T/2025
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	534
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	139
Số cổ phiếu giảm giá	320
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	75

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	231
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	61
Số cổ phiếu giảm giá	109
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	61

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	402
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	145
Số cổ phiếu giảm giá	160
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	97

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	70,411.95	88,499.93	(18,087.98)
% KL toàn thị trường	7.42%	9.32%	
Giá trị	2,322,351	3,727,965	(1,405,614)
% GT toàn thị trường	9.90%	15.89%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	634.20	7,187.02	(6,552.82)
% KL toàn thị trường	7.42%	9.32%	
Giá trị	16,277	92,151	(75,874)
% GT toàn thị trường	1.65%	9.34%	

UPCOM

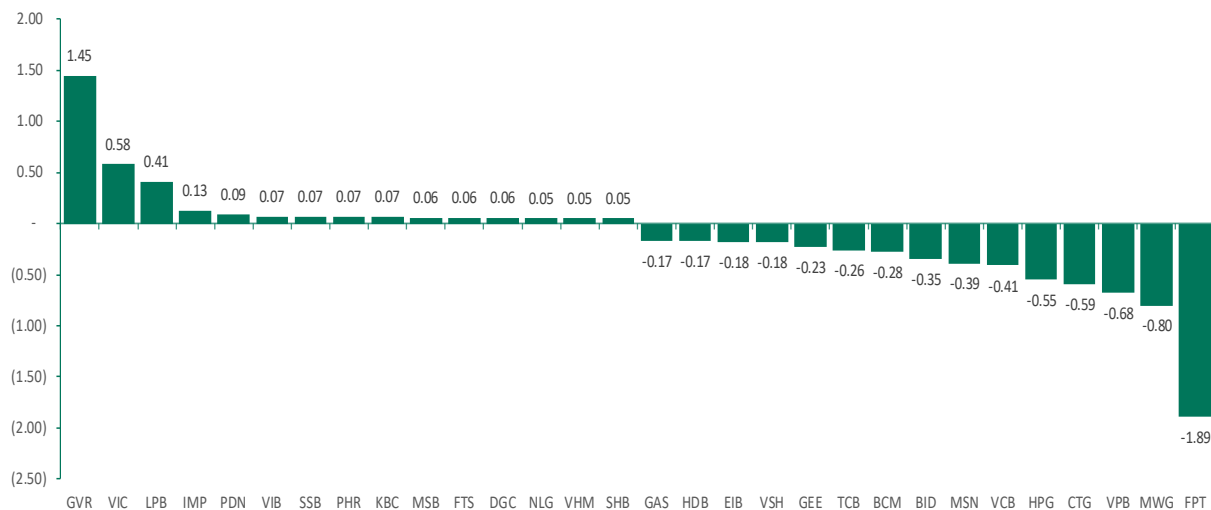
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	192.90	1,441.26	(1,248.36)
% KL toàn thị trường	0.32%	2.41%	
Giá trị	4,009	38,084	(34,075)
% GT toàn thị trường	0.58%	5.53%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	3,674,000	66,500	-300 (-0.45%)	10.99	1.87	6,053	371,675
2	BID	3,182,000	39,800	-200 (-0.5%)	9.20	1.57	4,326	279,450
3	CTG	8,668,600	41,550	-450 (-1.07%)	8.80	1.49	4,719	223,123
4	VIC	10,342,000	51,900	600 (1.17%)	16.99	1.29	3,055	198,448
5	VHM	13,442,500	47,350	50 (0.11%)	6.60	0.88	7,176	194,486
6	TCB	12,083,700	27,250	-150 (-0.55%)	6.62	1.30	4,116	192,517
7	FPT	18,128,400	124,600	-5,400 (-4.15%)	21.87	5.12	5,697	183,295
8	HPG	37,925,600	27,250	-350 (-1.27%)	13.97	1.52	1,951	174,298
9	GAS	703,700	68,800	-300 (-0.43%)	15.28	2.62	4,502	161,176
10	VPB	29,438,700	19,450	-350 (-1.77%)	9.78	1.05	1,988	154,315

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.72%	+4.29%	1,611
▼ Tài chính	-0.45%	+7.40%	107
> Tổ chức tín dụng	-0.49%	+7.13%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.30%	+9.89%	65
> Bảo hiểm	+0.12%	+7.02%	13
▼ Bất động sản	-0.66%	+15.20%	143
▼ Công nghiệp	-0.67%	+1.39%	391
> Vận tải	-0.77%	-1.73%	132
> Tư liệu sản xuất	-0.43%	+8.39%	214
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	-0.51%	+15.21%	45
> Nguyên vật liệu	+0.14%	+8.96%	263
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.89%	-5.18%	165
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.90%	-5.11%	158
> Đồ gia dụng và cá nhân	-0.07%	-0.01%	6
▼ Tiện ích	-0.64%	+2.54%	149
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-1.25%	+4.89%	261
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-1.49%	+1.61%	124
> Hàng tiêu dùng và trang trí	-0.82%	+15.34%	93
> Dịch vụ tiêu dùng	-0.15%	-3.00%	32
> Xe và linh kiện	+0.01%	-0.07%	12
▼ Viễn thông	-2.36%	-15.40%	48
> Viễn thông	-2.50%	-16.07%	22
> Truyền thông giải trí	+0.39%	-0.33%	26
▼ Công nghệ thông tin	-3.99%	-18.06%	14
> Phần mềm	-4.01%	-18.11%	7
> Phần cứng	+0.46%	-1.22%	5
> Bán dẫn	0%	-3.96%	2
▼ Năng lượng	-0.98%	-8.15%	21
▼ Chăm sóc sức khỏe	+1.12%	+1.98%	49
> Dược phẩm - sinh học	+1.27%	+2.14%	44
> Chăm sóc sức khỏe	-1.18%	-0.26%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 6.34 (- 0.48%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Được phẩm sinh học, truyền thông giải trí, nguyên vật liệu, bảo hiểm, xe và linh kiện, ...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như IMP, DVN, DHG, VNZ, GVR, DGC, DCM, PHR, BVH, BIC, TMT ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) GVR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình Rally – Base – Rally và đã có Break out – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Lợi nhuận GVR vẫn sẽ tới chủ yếu từ các công ty con như DPR, PHR trong đó năm 2025 này PHR sẽ được ghi thêm lợi nhuận từ việc bàn giao 90 ha tại khu công nghiệp NTU3 khiến LNST của PHR tăng khoảng 19% tương tự như triển vọng của DPR với dự án KCN 317 ha vừa được phê duyệt;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 50%;

(ii) DGC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng co hẹp cho thấy khả năng cổ phiếu đi ngang trong vùng giá 106 – 113;
- ✓ Chúng tôi cho rằng DGC không có nhiều đột biến trong kinh doanh năm 2025 này và khả năng diễn biến giá cổ phiếu có thể đi ngang trong phần lớn thời gian của năm;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iii) BVH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá nhận được sự hỗ trợ tại MA(50) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Chúng tôi cho rằng BVH có thể kết thúc sóng giảm A và hình thành sóng đối kháng B trong mô hình sóng giảm ABC;
- ✓ Kháng cự của sóng đối kháng B là vùng giá 54 – 56;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(2) Nhóm cổ phiếu đơn lẻ giao dịch tốt trong ngày là DC4, MSH... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm cổ phiếu này:

(i) DC4 tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ DC4 đang bắt đầu bàn giao nhà sớm và về cơ bản lợi nhuận từ dự án Vung Tau Centrel Point sẽ được ghi nhận trong Q2/2025;
- ✓ Chúng tôi đã đọc báo cáo tiến độ sử dụng vốn của DC4 trong đợt tăng giá vừa qua và thấy có một khoản đầu tư 88 nền đất của dự án Long Tam với giá 61 tỷ đồng và trong bản cáo bạch khi tăng vốn công ty đã nhận được cọc bán 88 nền đất này với trị giá 131 tỷ. Đây là khoản lãi mới phát sinh trong năm nay mà chúng tôi chưa ước tính và về cơ bản DC4 đang ở mức định giá rẻ để đầu tư lúc này;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 63%;

(ii) MSH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MSH đang giao dịch tái tích lũy và chuẩn bị xu hướng tăng giá mới nếu Break out kháng cự 62,5. Với kỳ vọng EPS²⁰²⁵ = 9,300 đ chúng tôi cho rằng đây là cổ phiếu thích hợp đầu tư;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(2) Phần mềm, viễn thông, phân phối bán lẻ hàng lâu bền, chăm sóc sức khỏe, năng lượng, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, hàng tiêu dùng và trang trí, vận tải, bất động sản ...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu FPT, CMG, VGI, FOX, CTR, MWG, PLX, DGW, HHS, PET, TNH, PVS, PVD, PVC, VNM, MCH, MSN, HAG, BAF, HNG, ANV, MML, KDC, ANV, GEE, RAL, SAM, GVL, ACV, VJC, VTP, GMD, BCM, NVL, SIP, TCH, CEO ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) FPT giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 3 giảm giá và có thể có sóng hồi khi giá chạm vùng quá bán;
- ✓ Trong hai lần trước khi RSI(14) ở mức thấp như hiện tại giá FPT đều bật tăng nhưng sau đó cũng đều tiếp tục giảm;
- ✓ Kháng cự sóng hồi là vùng giá 135;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) GMD giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng đối kháng tăng giá 4 với kháng cự 61 -63;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng vẫn dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch tăng là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

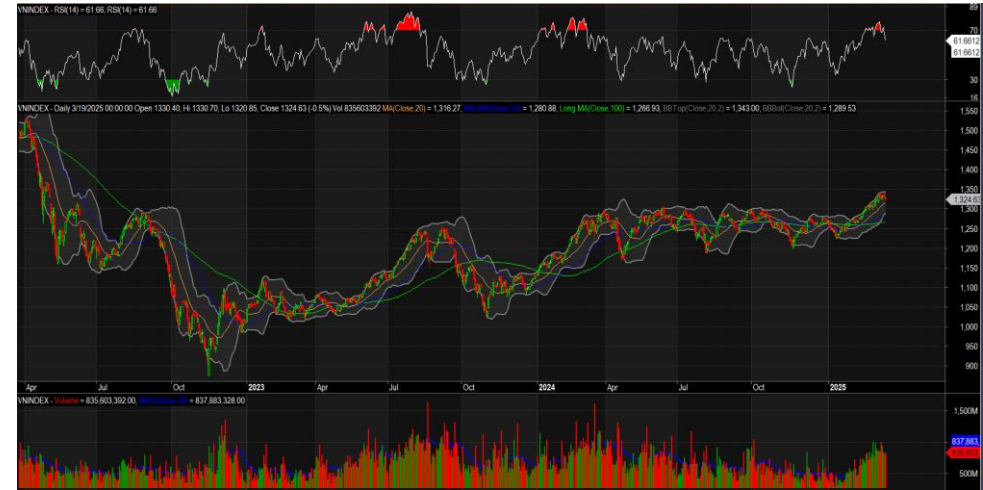
(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 1,505 tỷ đồng (Tính cả 3 sản). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VHM, VIC, HPG, SHB, GVR, HCM, LPB, PDR, MSB, VCI... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, MWG, VPB, SSI, SAB, DGC, CTG, KBC, VNM, GMD... FPT vẫn là tâm điểm bán ròng ngày hôm nay với hơn 1,000 tỷ đồng. Trong ngày, thị trường đồn đoán quỹ VEIL của Dragon Capital sẽ đóng quỹ sau khi công bố thông tin chào mua có điều kiện 100% và mặc dù cuối ngày VEIL có đính chính rằng đây không phải là hoạt động giải thể nhưng trên thực tế lượng bán ra vẫn chủ yếu từ các quỹ này.

(ii) Chỉ số đã có thêm một phiên điều chỉnh giảm và về cơ bản mẫu hình giao dịch ngắn hạn của chỉ số đang khá tiêu cực bao gồm việc nhóm ngân hàng, FPT, MWG bị giảm tương đối mạnh. Điểm sáng là họ VINCOM đã chỉnh ít hơn dự kiến và thậm chí còn tăng trở lại khá sớm. Một điểm tích cực nữa chúng tôi thấy lực bán không mạnh ở các nhóm ngành vốn hóa vừa và nhỏ thậm chí nhóm đầu tư công với VCG còn tăng giá trở lại. Ngoài ra, chúng tôi thấy các cổ phiếu có triển vọng kinh doanh tốt như DC4, MSH đã bắt đầu phản ứng tăng giá đi ngược thị trường với nguồn cung ngày càng suy giảm... Ít nhất dấu hiệu này cho thấy chỉ dự báo mức hỗ trợ 1,300 hay 1,280 điểm khi giảm sẽ là một con số không rõ ràng. Điều này về cơ bản hàm ý chúng ta nên lưu ý trong việc lựa chọn và tái cơ cấu danh mục.

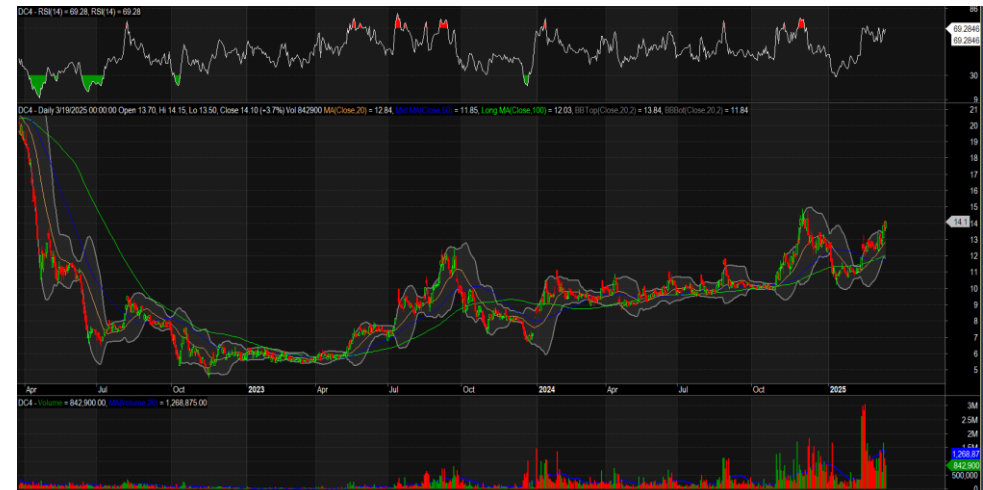
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 03 mã cho tín hiệu mua, 08 mã cho tín hiệu bán, 19 mã cho tín hiệu đi ngang. VPB, GVR, SHB, GAS ...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 65% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,300 điểm và kháng cự là 1,350 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu DC4



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	494.81	494.26	495.36	NO	500.09	504.27	509.55	513.73	490.63	485.35	481.17	475.89
HNXINDEX	245.57	245.71	245.42	YES	247.68	250.09	252.2	254.61	243.16	241.05	238.64	236.53
UPINDEX	99.64	99.79	99.5	NO	100.2	101.03	101.59	102.42	98.81	98.25	97.42	96.86
VN30	1379.62	1380.61	1378.63	YES	1384.58	1391.53	1396.49	1403.44	1372.67	1367.71	1360.76	1355.8
VNINDEX	1325.39	1325.77	1325.01	YES	1329.94	1335.24	1339.79	1345.09	1320.09	1315.54	1310.24	1305.69
VNXALL	2181.14	2182.57	2179.7	YES	2189.83	2201.39	2210.08	2221.64	2169.58	2160.89	2149.33	2140.64
VN30F1M	1379.83	1381.25	1378.42	NO	1383.07	1389.13	1392.37	1398.43	1373.77	1370.53	1364.47	1361.23
VN30F1Q	1376.27	1377.4	1375.13	YES	1379.53	1385.07	1388.33	1393.87	1370.73	1367.47	1361.93	1358.67
VN30F2M	1379.67	1380.85	1378.48	YES	1382.63	1387.97	1390.93	1396.27	1374.33	1371.37	1366.03	1363.07
VN30F2Q	1376.33	1377.4	1375.27	YES	1379.17	1384.13	1386.97	1391.93	1371.37	1368.53	1363.57	1360.73
BCM	80.93	81.05	80.82	NO	81.57	82.43	83.07	83.93	80.07	79.43	78.57	77.93
ACB	26.18	26.17	26.19	YES	26.32	26.43	26.57	26.68	26.07	25.93	25.82	25.68
BID	39.85	39.88	39.83	YES	40.15	40.5	40.8	41.15	39.5	39.2	38.85	38.55
BVH	53.37	53.35	53.38	YES	53.93	54.47	55.03	55.57	52.83	52.27	51.73	51.17
CTG	41.65	41.7	41.6	NO	41.9	42.25	42.5	42.85	41.3	41.05	40.7	40.45
FPT	126.23	127.05	125.42	NO	128.97	133.33	136.07	140.43	121.87	119.13	114.77	112.03
GVR	34.48	34.32	34.64	NO	35.67	36.53	37.72	38.58	33.62	32.43	31.57	30.38
GAS	69.07	69.2	68.93	NO	69.53	70.27	70.73	71.47	68.33	67.87	67.13	66.67
HDB	23.13	23.17	23.09	NO	23.27	23.48	23.62	23.83	22.92	22.78	22.57	22.43
HPG	27.32	27.35	27.28	NO	27.53	27.82	28.03	28.32	27.03	26.82	26.53	26.32
LPB	35.88	35.85	35.92	YES	36.37	36.78	37.27	37.68	35.47	34.98	34.57	34.08
MBB	23.85	23.85	23.85	YES	24	24.15	24.3	24.45	23.7	23.55	23.4	23.25
MSN	68.87	69.05	68.68	NO	69.23	69.97	70.33	71.07	68.13	67.77	67.03	66.67
MWG	59.97	60.2	59.73	NO	60.93	62.37	63.33	64.77	58.53	57.57	56.13	55.17
PLX	41.47	41.45	41.48	YES	41.83	42.17	42.53	42.87	41.13	40.77	40.43	40.07
SAB	50.97	51.05	50.88	NO	51.13	51.47	51.63	51.97	50.63	50.47	50.13	49.97
SSB	19.72	19.67	19.76	NO	19.88	19.97	20.13	20.22	19.63	19.47	19.38	19.22
SHB	11.62	11.6	11.63	NO	11.83	12.02	12.23	12.42	11.43	11.22	11.03	10.82
SSI	26.63	26.67	26.59	NO	26.77	26.98	27.12	27.33	26.42	26.28	26.07	25.93
STB	38.3	38.25	38.35	NO	38.7	39	39.4	39.7	38	37.6	37.3	36.9
TCB	27.25	27.25	27.25	YES	27.35	27.45	27.55	27.65	27.15	27.05	26.95	26.85
TPB	16.12	16.15	16.08	NO	16.23	16.42	16.53	16.72	15.93	15.82	15.63	15.52
VHM	47.17	47.08	47.26	NO	48.08	48.82	49.73	50.47	46.43	45.52	44.78	43.87
VCB	66.73	66.85	66.62	NO	66.97	67.43	67.67	68.13	66.27	66.03	65.57	65.33
VIB	20.47	20.45	20.48	YES	20.63	20.77	20.93	21.07	20.33	20.17	20.03	19.87
VIC	51.2	50.85	51.55	NO	53.2	54.5	56.5	57.8	49.9	47.9	46.6	44.6
VJC	97.8	97.8	97.8	YES	98.3	98.8	99.3	99.8	97.3	96.8	96.3	95.8
VPB	19.53	19.58	19.49	NO	19.67	19.88	20.02	20.23	19.32	19.18	18.97	18.83
VRE	18.35	18.3	18.4	NO	18.6	18.75	19	19.15	18.2	17.95	17.8	17.55
VNM	62.33	62.35	62.32	YES	62.77	63.23	63.67	64.13	61.87	61.43	60.97	60.53

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
FPT	18,128,400	6,143,480	295	-4.15
GVR	8,590,800	3,430,160	250	4.19
LPB	6,285,000	2,894,760	217	1.55
FIT	2,122,900	665,920	318.79	2.63
VIG	1,945,100	243,210	800	9.52
IMP	1,270,500	207,580	612	6.87
VC2	1,178,300	408,090	288.74	2.38
TSC	972,100	268,360	362	3.02
VTD	950,600	50,220	1,893	8.7
THD	945,900	242,980	389.29	0.51
APP	691,300	6,620	10,443	11.59
ITS	577,400	70,170	823	-6.15
DBD	553,800	188,780	293	2.64
VNY	406,000	1,000	40,600	0
FUEKIV30	400,600	5,860	6836.18	-1.19
VOC	381,700	21,850	1,747	1.1
VNE	369,800	90,950	407	3.02
DST	349,200	98,730	354	0
PTB	348,500	172,580	202	1.88
FOX	259,900	121,780	213.42	-8.12
SDA	211,000	86,730	243	-1.92
KDM	190,100	29,190	651	4.58
MDC	179,600	88,610	203	8.18
DTA	133,700	58,510	229	6.93
VSH	101,700	9,130	1113.91	-6.02
ITD	101,700	39,080	260	-0.35
DTC	90,000	30,840	292	0
UDC	82,600	27,900	296	4.88
C32	80,500	24,600	327	0.77
TMT	77,100	26,610	290	4.44
BWS	71,400	13,470	530	0.29
PNC	59,500	2,970	2,003	3.5
WTC	49,400	10,480	471	0
DSN	47,800	15,900	301	-0.19
ONE	47,700	8,770	544	0
BMF	39,000	2,720	1,434	13
DVP	38,600	10,210	378	0.12
SHP	38,500	15,990	241	0.28
TS3	30,200	9,570	316	-1.75
TDM	29,700	5,160	576	-1.7

- Lưu ý: FPT, GVR...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
19-Mar	GVR	Mua	≤ 35.5	10% -20%	Mô hình Rally - Base - Rally có Break Out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 01 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 18/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.793 VND/USD, giảm nhẹ 01 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.604 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.982 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.527 VND/USD, giảm nhẹ 03 đồng so với phiên 17/03. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào và 40 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.760 VND/USD và 25.840 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 18/03, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,03 - 0,08 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 4,16%; 1W 4,29%; 2W 4,40% và 1M 4,51%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,04 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 4,30%; 1W 4,38%; 2W 4,43%, 1M 4,49%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở kỳ hạn 3Y trong khi tăng ở kỳ hạn 15Y và giảm ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên với mức: 3Y 2,16%; 5Y 2,31%; 7Y 2,65%; 10Y 2,96%; 15Y 3,15%.
- Nghị quyết vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 20.000 tỷ đồng kỳ hạn 7 ngày, 10.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 35 ngày và 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 13.641,61 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 1.015,78 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 35 ngày, không có khối lượng trúng thầu ở kỳ hạn 91 ngày; có 14.969,58 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN; không có đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 312,19 tỷ đồng từ thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở phiên hôm qua. Có 74.464,25 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố; không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Sản lượng điện huy động thực tế 2T/2025

SỐ LIỆU TRONG THÁNG						
Date	Tổng sản lượng các nguồn điện	Sản lượng thủy điện	Sản lượng nhiệt điện than	Sản lượng nhiệt điện khí	Sản lượng điện NLTT	Sản lượng điện nhập khẩu & khác
2025 02	22,240	4,585	12,250	1,333	3,623	449
2025 01	22,773	4,705	12,570	1,367	3,717	414
2024 12	25,091	5,563	13,775	1,887	3,221	645
2024 11	24,940	6,850	13,010	1,480	3,540	60
2024 10	26,100	10,740	10,720	1,270	2,800	570
2024 09	24,560	11,660	8,580	1,040	2,770	510
2024 08	28,600	13,010	10,290	1,500	3,290	510
2024 07	27,700	12,270	10,060	1,530	3,290	550
2024 06	27,490	9,550	12,370	1,950	3,110	510
2024 05	28,090	4,670	17,080	2,650	3,070	620
2024 04	26,890	3,790	16,900	2,460	3,100	640
2024 03	25,560	2,830	16,050	2,380	4,030	270
2024 02	19,740	3,000	11,190	1,830	3,330	390

LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM						
Date	Tổng sản lượng các nguồn điện	Sản lượng thủy điện	Sản lượng nhiệt điện than	Sản lượng nhiệt điện khí	Sản lượng điện NLTT	Sản lượng điện nhập khẩu & khác
2025 02	45,013	9,290	24,820	2,700	7,340	863
2025 01	22,773	4,705	12,570	1,367	3,717	414
2024 12	308,731	88,723	152,775	21,827	39,641	5,765
2024 11	283,640	83,160	139,000	19,940	36,420	5,120
2024 10	258,700	76,310	125,990	18,460	32,880	5,060
2024 09	232,600	65,570	115,270	17,190	30,080	4,490
2024 08	208,040	53,910	106,690	16,150	27,310	3,980
2024 07	179,440	40,900	96,400	14,650	24,020	3,470
2024 06	151,740	28,630	86,340	13,120	20,730	2,920
2024 05	124,250	19,080	73,970	11,170	17,620	2,410
2024 04	96,160	14,410	56,890	8,520	14,550	1,790
2024 03	69,400	10,620	39,990	6,060	11,450	1,150
2024 02	43,710	7,790	23,940	3,680	7,420	880

Xuất khẩu cá tra lủy kể 2T/2025

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU										
Chú thích: Số liệu lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo										
Timeline	TỔNG CỘNG	TQ&HK	HOA KỲ	ASEAN	EU	ANH (UK)	MEXICO	BRAZIL	COLOMBIA	KHÁC
2025 01	133.18	31.29	17.55	13.49	13.14	3.82	5.26	12.46	3.06	33.12
2024 12	2,028.29	580.62	345.11	168.55	176.25	62.65	75.76	129.28	54.46	435.62
2024 11	1,845.85	529.20	317.46	153.48	160.64	57.64	68.54	117.27	50.70	390.93
2024 10	1,666.65	479.17	291.13	136.42	143.99	52.26	63.02	103.78	46.40	350.50
2024 09	1,464.70	417.93	255.86	120.66	127.60	46.21	57.35	88.59	40.13	310.38
2024 08	1,292.98	370.39	225.60	106.99	113.52	41.41	51.60	76.57	34.96	271.94
2024 07	1,102.46	312.99	190.45	94.04	99.18	34.65	43.93	64.67	28.57	233.97
2024 06	918.45	258.32	159.76	79.90	85.20	29.74	34.39	53.59	22.42	195.13
2024 05	746.93	202.62	132.31	66.98	70.23	24.73	26.32	46.01	18.69	159.03
2024 04	579.64	152.67	102.09	53.79	56.05	19.96	20.56	37.79	14.56	122.17
2024 03	411.30	111.50	64.56	40.35	38.76	15.09	14.40	27.75	10.55	88.33
2024 02	255.26	75.10	33.74	25.83	20.71	9.25	9.81	19.61	7.32	53.91
2024 01	164.87	51.98	17.97	17.11	12.86	5.44	6.60	13.64	4.95	34.31

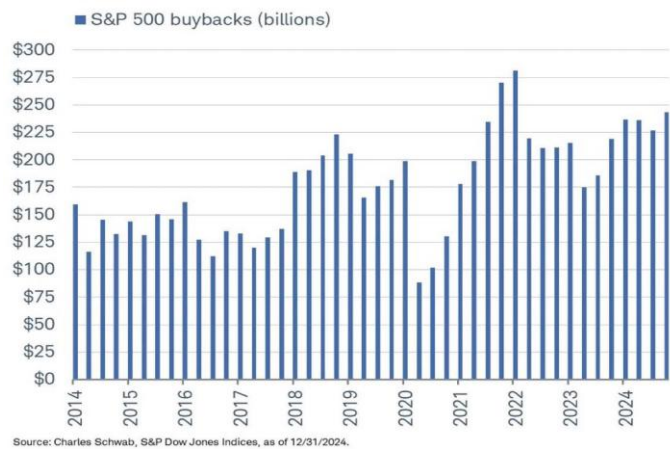
NVIDIA vẫn đang vận động theo mô hình sóng giảm giá cấu trúc



MSFT liệu có giữ vững khu vực hỗ trợ ?



Hoạt động mua lại cổ phiếu của S&P 500 đạt 243,2 tỷ đô la trong quý 4 năm 2024, tăng 7,4% so với quý 3 năm 2024 và tăng 11,0% so với quý 4 năm 2023; 20 công ty hàng đầu của S&P 500 chiếm 49,0% hoạt động mua lại cổ phiếu trong quý 4 năm 2024, giảm so với mức 53,2% trong quý 3 năm 2024



Source: Charles Schwab, S&P Dow Jones Indices, as of 12/31/2024.

S&P 500 đang kiểm tra lại kháng cự động MA(200)



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

